

Mục Lục

CHƯƠNG I: DỰ ĐOÁN XUẤT HÀNH ĐIỂM KHIẾU	6
Tiết 1: Hoàng Kim Sách xuất hành nguyên văn	6
Tiết 2: Hoàng Kim Sách Tổng kết kỹ xảo dự đoán xuất hành	16
Một, Xem xuất hành, lấy hào Thế là chính mình.	16
Hai, Xem xuất hành, lấy hào Ứng là nơi đến (mục đích).....	17
Ba, Xem xuất hành, lấy hào Phụ mẫu là hành lý.	18
Bốn, Xem xuất hành, lấy Thê tài là lộ phí.	18
Năm, Xem xuất hành, lấy gian hào là trên đường, cũng là người đồng hành.	18
Sáu, Cái khác.....	19
Tiết 3: Xuất hành bình an điểm khiếu	20
Tiết 4: Phán đoán xuất hành có thành hay không	24
Tiết 5: Công việc có thuận lợi hay không	30
Tiết 6: Phán đoán mục đích xuất hành.....	34
Tiết 7: Dự đoán xuất hành cổ kim ví dụ thực tế.....	38
CHƯƠNG II: DỰ ĐOÁN NGƯỜI ĐI ĐƯỜNG ĐIỂM KHIẾU	72
Tiết 1: Hoàng Kim Sách hành nhân chương nguyên văn.....	72
Tiết 2: Hoàng Kim Sách tổng kết kỹ xảo hành nhân	84
Một, Lấy Dụng thần là người đi đường.....	84
Hai, Xem người đi đường, lấy hào Phụ mẫu là tin tức.....	88
Ba, Xem người đi đường, lấy Thê tài là lộ phí.	90
Tiết 3: Xem người có bình an	92
Tiết 4: Xem người có muốn về hay không.....	98
Tiết 5: Xem người khi nào về	102
Tiết 6: Dự đoán người đến điểm khiếu.....	108

Tiết 7: Cổ kim ví dụ dự đoán hành nhân	114
Một, Người đi đường cát hung.	114
Hai, người đi đường khi nào về.....	150
CHƯƠNG III: NGƯỜI ĐÀO VONG (Trốn đi)	192
Tiết 1: Hoàng Kim Sách đào vong chương nguyên văn.....	192
Tiết 2: Hoàng Kim Sách đào vong kỹ xảo dự đoán tổng kết.....	202
Một, Phán đoán phương vị người đào vong.....	202
Hai, Phán đoán chỗ người đào vong	202
Ba, Phán đoán người trốn xa hay gần.	204
Bốn, Phán đoán tình huống cụ thể trong đào vong.....	204
Năm, Phán đoán liệu có thể bắt được người đào vong hay không.	206
Tiết 3: Lập cực dự đoán trốn đi, mất tích.....	210
Tiết 4: Người nhà mất tích, Dụng thần không nên phát động.....	216
Tiết 5: Quẻ có tượng không về, chiêm tượng lại có tổn thương là tượng đại hung.....	220
Tiết 6: Dự đoán đào vong cổ kim ví dụ	224
Tiết 7: Tuyển tập các ví dụ khó về Hành nhân	270
CHƯƠNG IV: DỰ ĐOÁN THIÊN THỜI.....	286
Tiết 1: Hoàng Kim Sách Thiên thời nguyên văn.....	286
Tiết 2: Hoàng Kim Sách Thiên thời kỹ xảo dự đoán	302
Một, Ứng dụng lục thân trong dự đoán thiên thời.....	303
Hai, Ngày thì xem Thế, Ứng, Nhật, Nguyệt.	304
Ba, Lục thân tổng hợp phán đoán:.....	308
Bốn, Ứng dụng ngũ hành trong xem thiên thời.....	310
Năm, Ứng dụng quẻ tượng để thiên thời.	311
Sáu, Nguyên tắc phán đoán ứng kỳ.....	311
Tiết 3: Kỹ xảo thực chiến xem mưa.....	314

Tiết 4: Kỹ xảo thực chiến xem năng	324
Tiết 5: Cổ kim thiên thời dự đoán ví dụ	332
PHỤ LỤC: TỔ HỢP NHẬT NGUYỆT TRONG LỤC HÀO – CHU THẦN BÂN	420
Người mới học nên học Dịch như thế nào?	452

CHƯƠNG I: DỰ ĐOÁN XUẤT HÀNH ĐIỂM KHIẾU

Tiết 1: Hoàng Kim Sách xuất hành nguyên văn

Nhân phi phú quý, yên năng tọa hưởng vinh hoa; cầu vi lợi danh, ninh miễn bôn trì đạo lộ. Nhiên hoặc thiên lý chi điều diêu, phu khởi nhất triêu chi bạt thiệp? Đồ trung hưu cữu, nhược cá năng tri tựu lý tai tường, thần linh hữu chuẩn. Phụ vi hành lý, đái hình tắc phá tổn bất trung: Thê tác bàn triển, sinh vượng tắc phong doanh túc dụng.

人非富贵，焉能坐享荣华；苟为利名，宁免奔驰道路。然或千里之迢迢，夫岂一朝之跋涉？途中休咎，若个能知就里灾祥，神灵有准。父为行李，带刑则破损不中；妻作盘缠，生旺则丰盈足用。

Xuất hành lấy hào Phụ là hành lý, vượng tướng là nhiều, hư u tù là ít, không vong là không có, vượng không, tuy có mà không nhiều; mang hình hại và bị thương khắc là bị tổn hại, đồ cũ; Phụ hóa Huynh dùng nhờ đồ người khác, Huynh hóa Phụ dùng chung đồ, hoặc là người khác mượn hành lý, Thê tài không nên trì Thế cùng động, tất khó mượn danh nghĩa, mang hợp rớt cuộc có thể được. Thê Tài là tài vật tiền vốn, vượng tướng là nhiều, hư u hơi ít, không vong là không có, quẻ nếu không có Tài, Huynh đệ hóa xuất, hẳn là góp vốn hoặc là đi vay, không phải của mình.

Thế như suy nhược, na kham lộ túc phong xan?

世如衰弱, 那堪露宿风餐?

Thế là người xuất hành, sinh vượng có khí thì cát, nếu hưu tù tử tuyệt, khắc thì dễ ngược lại, tổn thương thì dễ tổn hại, nên không chịu nổi lao碌奔波, không kiên nhẫn gian nan vất vả sớm tối.

Ứng nhược không vọng, nan vọng mưu thành sự tựu.

应若空亡, 难望谋成事就.

Hào Ứng là chỗ đến, tại Chấn cung là thành quách thị trấn, nơi náo nhiệt, Khôn cung là nơi vắng vẻ, tại Cấn cung là trên núi, Khảm cung là vùng sông nước, cứ thế mà đoán. Sợ nhất không vọng, chủ nơi đến tịch mịch, mưu sự khó thành, tất không đắc ý mà quay về.

Gian hào an tĩnh, vãng lai nhất lộ bình an;

间爻安静, 往来一路平安;

Gian hào là nơi đi qua, động thì trên đường tất có cách trở trì trệ, nếu yên tĩnh bất động thì lên đường bình an, dọc đường không có gì trở ngại.

Thái Tuế khắc xung, cử chi quanh năm cào gậy.

太岁克冲, 行止终年挠折.

Thái Tuế xuất hiện, phát động xung khắc hào Thế; một thân xuất ngoại quanh năm bất lợi, nếu thêm quỷ sát

Bạch Hổ hung thân thì càng không phải điềm lành; nếu vì cầu Quan muro chức mà đi, tốt nhất hào này nên sinh hợp Thế thân, tất có điềm báo thành tựu.

Thế thương ứng vị, bất câu viễn cận tổng nghị hành; ứng khắc thế hào, vô vấn công tư giai bất lợi.

世伤应位, 不拘远近总宜行; 应克世爻, 无问公私皆不利.

Thế khắc Ứng, là ta chế hấn, nơi đến thông suốt, lại gặp gian hào bất động, quý sát không hung, đi không ngăn trở; Ứng khắc Thế, là ta không được chuyên chí, chỗ đến tắc nghẽn, lại gặp hào động Nhật thân hình xung khắc hại, tất không thuận lợi.

Bát thuần loạn động, tại xử giai hung;

八纯乱动, 在处皆凶;

Bát thuần chính là quẻ lục xung, nội ngoại hào không tương hợp, tổng quát muro vọng đều chủ khó thành, nếu sáu hào loạn động, thì có gì cát? Không câu nệ đi đâu, đều không nên đi. Đi xa càng kị.

Lưỡng gian tề không, độc hành tắc cát.

两间齐空, 独行则吉.

Gian hào không nên không vong, là đường đi tắc nghẽn, hành trình tất không nhanh lợi, nếu kim thủy không vong, đường thủy không thông; hỏa thổ không vong, đường

bộ không thông; hai gian đều không phần lớn là nửa đường mà trở lại. Nhưng gian hào lại là bạn lữ, nếu một thân động hành không có bạn lữ, là ứng tượng, ngược lại chủ điềm lành, chỉ lo Thế khắc Ứng vị mà thôi.

Thế động đính kỳ biến quý, tác tự đầu la võng; quan lâm úy súc hóa phúc, tác chung thoát phiền lung.

世动订期变鬼, 则自投罗网; 官临畏缩化福, 则终脱樊笼.

Hào Thế bất động, ngày đi chưa định, động thì đã có kế hoạch rồi. Thế Ứng đều động, nên đi nhanh; hào bên cạnh động, nên đi từ từ. Nếu Thế động biến xuất hào Quý, về sau ắt gặp tai họa; hoặc Quý trì Thế, chính là tượng bản khoán sợ hãi, muốn đi không đi, tất hoài nghi nửa vời; hưu tù thì khó đi; sinh vượng phần lớn là không đi được; phát động sợ không bạn mà không đi, lại lâm hào Ứng, nơi đến bất lợi. Quý hóa Tử tôn, tuy có tai họa nhưng không quá đáng lo.

Tĩnh ngộ nhật trùng, tất vi tha nhân nhi khứ; động phùng gian hợp, hựu nhân đồng bạn nhi lưu.

静遇日冲, 必为他人而去; 动逢间合, 又因同伴而留.

Hào Thế yên tĩnh, gặp Nhật thân hào động ám xung là người khác đến kéo đi, không phải là chính mình muốn. Nhật thân hào động hợp giống nhau. Muốn biết người nào đến kéo đi, lấy hào xung mà định, như Phụ mẫu là trưởng bối chẳng hạn. Nếu hào Thế phát động gặp hào động, Nhật

thần hợp trú là đi mà có việc ràng buộc, chưa thể lên đường. Muốn biết chuyện gì ngăn trở, lấy hào hợp mà định, nếu hào Quý thì là vì quan phủ hoặc công việc; lại như Câu Trần động đến hợp trú, là việc về ruộng đất; gian hào thì đa phần vì đồng bạn ngăn cản.

Thế nhược phùng không, tối lợi cửu lưu xuất vãng;

世若逢空, 最利九流出往;

Thế không đi không thành, cố đi cuối cùng không đắc ý mà quay về. Nếu bản thân xem bói, tối kỵ Thế không, tuy xuất hành mà khôn khổ tha hương, phí công bôn tẩu; nếu cửu lưu nghệ thuật và người công môn xem, ngược lại là may mắn, chủ tay không cầm tài, nào chỗ được tài, tuy nhiên không dành dụm được, gặp xung thì diêu.

Thổ như ngộ phúc, thiên nghi lục địa hành trình;

土如遇福, 偏宜陆地行程

Trong quẻ hào hỏa thổ động, là đi đường bộ; hào thủy mộc động, là đi đường thủy. Nếu hỏa thổ lâm Tài Phúc, thì nên đi đường bộ; Quỷ sát lâm thủy thổ không nên đi thuyền. Thổ hỏa hóa không, cần đề phòng té ngã; thủy thổ hóa không, cần đề phòng chìm đắm, càng nên thông biến.

Quý địa mộ hương, khởi kham tiên lý? Tài phương phụ hướng, khắp khả đăng lâm.

鬼地墓乡, 岂堪践履? 财方父向, 恰可登临.

Quý địa, Thế thuộc kim phương nam là vậy; mộ hương, Thế thuộc hỏa hướng tây bắc là vậy; cứ thế mà luận, nếu đi hướng này tất có tai nạn tội trạng. Nếu cầu tài lợi nên đi Tài phương, nếu Thế thuộc thổ phương bắc là vậy. Cầu Quan gặp quý, cần đi hướng Phụ; nếu Thế thuộc thủy phương tây là vậy. Phạm nơi Quý sát lâm, nên tránh, Nơi lâm Tài Phúc là hướng nên đi.

Quan khiết nguyên hào hình khắc, đạo tặc kinh ưu;

官掣元爻刑克, 盜賊驚忧;

Phạm xem xuất hành, sợ nhất hào Quý xuất hiện, hưu tù yên tĩnh thì cát, càng không thể động, động thì tất có tai họa, nếu lâm Thanh Long vì tử sắc mà gây tai họa, lâm Chu Tước nói năng chiêu thị phi, lâm Đằng Xà nhiều hoảng sợ, lâm Bạch Hổ nhiều bệnh tật, lâm Huyền Vũ chủ mát mát, Câu Trần lâm thủy động, trên đường tất nhiều mưa gió, trở lên trì Thế khắc Thế, tối kỵ vợ chồng, cũng kỵ hưu tù, bị quản chế không thương tổn Thế thân, cuối cùng không đại họa, tuy nhiên bạn lữ có tai, thế gia không nhận khắc, cũng chủ bạn lữ có tai.

Huynh thừa hồ sát giao trọng, phong ba hiểm trở.

兄乘虎杀交重, 风波险阻.

Huynh thêm Bạch Hổ động, hoặc Quý tại hào mộ động, hoặc mộ hóa Quý đến hình xung, hoặc Quý tại Tôn cung động khắc, đều có phong ba hiểm trở, tại hào ba bốn đi ra ngoài là gặp, ở gian hào trên đường gặp, tại hào năm một đường bất an, ở hào sáu hoặc Ứng là đến nơi gặp.

Hào bên cạnh động, không thương tổn Thế thân, dùng lại là hiểm trở, thừa vượng xung khắc, cần đề phòng không có chìm đắm. Quý hóa Huynh, Huynh hóa Quý, không những trên đường sóng gió kinh lo, còn có đạo tặc.

Thê lai khắc thê, mạc tham vô nghĩa chi tài; tài hợp biến quan, vật luyện hữu tình chi phụ.

妻来克世，莫贪无义之财；财合变官，勿恋有情之妇。

Thê tài động đến hình khắc hào Thế, vì Tài gây nên họa, chớ tham. Nếu Thế và Thê tài tương hợp, mà Thê tài biến xuất Quý đến hình khắc, vì sắc chiêu vương, chớ luyện.

Phụ tao phong vũ chi lâm li, chu hành vuu ky;

父遭风雨之淋漓，舟行尤忌；

Phụ là thần vật và cần cù khổ cực, động thì bốn ba trình đồ, không thể an lợi, hình khắc hào Thế, ắt gặp mưa gió ngăn trở. Mà Phụ là thuyền, khắc Thế, đi thuyền lại không thuận lợi, càng thêm Bạch Hổ hào mộ động, hoặc hóa Quan, tất có phong ba chi hiểm, có Tử động đến giải cứu, có thể hóa hung thành cát.

Phúc ngộ hòa đồng chi bạn lữ, yết quý phản hung.

福遇和同之伴侣，谒贵反凶。

Tử tôn trì Thế, cát lợi, chủ cát, phát động, tất gặp bạn tốt, tại hào ba bốn xuất cửa là gặp, tại hào năm trên

Đến ngày Dậu xung mất hào Mão mộc khắc chế hào Phụ mẫu Thìn thổ, hào Thế lại xuất không hữu dụng, thì có thể trở về nhà.

Nghiệm chứng: Ngày Sửu khởi hành, ngày Dần đến chỗ bạn gái, vì chân đau nhức phải dưỡng bệnh, đến ngày Dậu mới về.

Ví dụ 1-14: Xem xuất hành. (Ví dụ hiện đại)

Can chi: Ngày Mậu Thìn tháng Dậu (Tuần không Tuất Hợi)

THỦY ĐỊA TỶ					ĐỊA PHONG THẮNG			
HỌ KHÔN					HỌ CHẤN			
Hào	T/U	Lục Thân	Can Chi	Phục thân	Lục Thân	Can Chi	Lục Thú	Hào
— —	Ứng	Thê Tài	Tý-Thủy		Tử Tôn	Dậu-Kim	Chu Tước	— —
— —		Huỳnh Đệ	Tuất-Thổ	○	Thê Tài	Hợi-Thủy	Thanh Long	— —
— —		Tử Tôn	Thân-Kim		Huỳnh Đệ	Sửu-Thổ	Huyền Vũ	— —
— —	Thế	Quan Quý	Mão-Mộc	×	Tử Tôn	Dậu-Kim	Bạch Hổ	— —
— —		Phụ Mẫu	Tị-Hỏa	×	Thê Tài	Hợi-Thủy	Đẳng Xà	— —
— —		Huỳnh Đệ	Mùi-Thổ		Huỳnh Đệ	Sửu-Thổ	Câu Trần	— —

Hoàng Cực giải đoán:

Hào Thế phát động lâm Bạch Hổ Quan quý, bị Nguyệt phá Nguyệt khắc, đồng thời lại động mà hóa hồi đầu khắc, hào Thế có tượng đại hung. Với tượng này mà đi ra ngoài nhất định sẽ có việc không thuận nảy sinh. Nhưng có tai họa hay không thì cần xem kiêm Tượng Hào mới có thể xác định được.

Trong quẻ kiêm Tượng Hào là Quái thân Thân kim, bị Phụ Mẫu Tị hỏa động khắc. Quái thân cũng có tổn thương. Cho nên lần này đi ra ngoài nhất định sẽ có tai họa.

Tuy nhiên kị thần Tị hỏa bị Hối Thủy hồi đầu khắc, Quái thân thụ thương không nặng, do đó tổn thương cũng không quá nghiêm trọng. Hào Huynh đệ Tuất thổ phát động khắc Tài, chủ yếu là tổn thất tiền tài.

Nghiệm chứng: Lái xe đi Thiểm Tây, ngày Dậu gặp tai nạn giao thông, hàng hỏng người bị thương.

Ví dụ 1-15: Tiểu Quân xem xuất hành được không.

Can chi: Ngày Đinh Tị tháng Mão (Tuần không Tý Sửu)

SON LÔI DI					THỦY LÔI TRUẬN			
HỌ TÔN (DU HÒN)					HỌ KHÂM			
Hào	T/U	Lục Thân	Can Chi	Phục thần	Lục Thân	Can Chi	Lục Thú	Hào
		Huynh Đệ	Dần-Mộc	○	Phụ Mẫu	Tý-Thủy	Thanh Long	
		Phụ Mẫu	Tý-Thủy	×	Thê Tài	Tuất-Thổ	Huyền Vũ	
	Thế	Thê Tài	Tuất-Thổ		Quan Quý	Thân-Kim	Bạch Hổ	
		Thê Tài	Thìn-Thổ	Quan-Dậu	Thê Tài	Thìn-Thổ	Đẳng Xà	
		Huynh Đệ	Dần-Mộc		Huynh Đệ	Dần-Mộc	Câu Trần	
	Ứng	Phụ Mẫu	Tý-Thủy		Phụ Mẫu	Tý-Thủy	Chu Tước	

Hoàng Cực giải đoán:

Quẻ này Bình Nhiên xem cho một người bạn. Quẻ tượng là du hòn, du hòn đi ngàn dặm, là có thể đi được. Tuy nhiên cái này chỉ là phụ trợ khi phán đoán, chủ yếu

vẫn phải xem hào Thế. Hào Thế lâm Thê tài Tuất thổ bị Nguyệt kiến Mão mộc hợp, yên tĩnh gặp hợp là thu về, là có người rủ đi, có lẽ có người đồng hành. Hào Thế lâm Tài, đi cùng bạn gái.

Mặt khác, hào năm Tý thủy là con đường phát động hóa xuất Thê tài, cũng có nghĩa là đi vì nữ nhân, tiền tài (Trên thực tế là vì hai người yêu nhau nhưng nhà gái không đồng ý nên hai người quyết định bỏ trốn).

Trong quẻ hào Thế Tuất thổ lâm Bạch Hổ bị Nguyệt kiến Mão mộc, hào động Dần mộc khắc chế, nhưng có Nhật kiến Tị hỏa sinh, hào Thế tại chủ quẻ lưỡng hiện, lại có hào động hóa xuất thêm một hào nữa là tượng quá vượng, có thể địch khắc. Do đó việc xuất hành bình an, vì hào Thế vô hại nên không cần xem Quái thân đã có thể luận bình an. Lúc này dù Quái thân có tổn thương thì cũng chỉ là vất vả không thuận mà thôi, không thể luận là có tai họa được.

Như trong quẻ này, hào Quái thân Dậu kim phục tàng Nguyệt phá, Nhật khắc, chỉ là ở bên ngoài vất vả không thuận, không có nghĩa là ở bên ngoài có tai họa (Trên thực tế hai người ở bên ngoài rất khổ cực).

















Hào năm, hào sáu phát động, hào năm là đường đi, hào sáu là phương xa, đây là tượng đến phương xa.

Do đó chắc chắn có thể xuất hành. Hiện nay hào Thế yên tĩnh, tháng sau là tháng Thìn xung động là lúc có thể đi. Hào năm là con đường động hóa hào Phụ mẫu, đường động, nơi ở động, là tượng ra ngoài làm việc sinh hoạt. Thực tế hai người ở bên ngoài hơn hai năm mới trở về.

Nghiệm chứng: Ngày Tuất tháng Thìn bỏ trốn với bạn gái.

Ví dụ 1-16: Xem cuối tuần đơn vị tổ chức đi du lịch có bình an không.

Can chi: Ngày Quý Hợi tháng Thân (Tuần không Tý Sửu)

THIÊN HÒA ĐỒNG NHÂN					PHONG LÔI ÍCH			
								
HỢ LY (QUY HỒN)					HỢ TỐN			
Hào	T/U	Lục Thân	Can Chi	Phục thân	Lục Thân	Can Chi	Lục Thú	Hào
	Ứng	Tử Tôn	Tuất-Thổ		Phụ Mẫu	Mão-Mộc	Bạch Hổ	
		Thê Tài	Thân-Kim		Huỳnh Đệ	Tị-Hỏa	Đằng Xà	
		Huỳnh Đệ	Ngo-Hỏa		Tử Tôn	Mùi-Thổ	Câu Trần	
	Thế	Quan Quý	Hợi-Thủy		Tử Tôn	Thìn-Thổ	Chu Tước	
		Tử Tôn	Sửu-Thổ		Phụ Mẫu	Dần-Mộc	Thanh Long	
		Phụ Mẫu	Mão-Mộc		Quan Quý	Tý-Thủy	Huyền Vũ	

Hoàng Cực giải đoán:

Quẻ này Bình Nhiên tự xem cơ quan tổ chức đi du lịch như thế nào.

Trong quẻ hào Thế lâm Quý phát động, hóa Thìn thổ là hóa mộ, hào Thế có tượng theo Quý nhập mộ rất hung hiểm. Nhưng đồng thời hào Thế lâm Quý hóa Tử tôn hồi đầu khắc, lại là là điềm lành khắc đi Quý bên.

Vậy phải đoán như thế nào? Nếu chỉ dùng nguyên lý truyền thống một nguyên tố định vị thì căn bản khó có

thể xác định, nhưng dùng Hoàng Cực Lục hào hai nguyên tố định vị thì cũng không khó để định cát hung.

Tự xem nên lấy Quái thân là kiêm Tượng Hào. Quẻ này Quái thân là Dần mộc không hiện lên quẻ. Lấy Thế thân hào sáu Tuất thổ để dùng. Tử tôn Tuất thổ mặc dù hưu tù nhưng trong quẻ có hào Huynh đệ Ngọ hỏa tương sinh, có sinh không khắc, kiêm Tượng Hào đại cát, cho nên hào Thế lâm Quý hóa Tử tôn hồi đầu khắc có thể dùng khắc đi Quý bên người để đoán. Do đó chuyến đi này nhất định bình an vô sự.

Trong quẻ hào Huynh đệ, hào Quan đồng thời phát động, lâm Chu Tước là có cãi vã thị phi. Nhưng hào Thế vô hại cho nên không phải chính mình bị thị phi mà là đồng bạn sẽ có chuyện cãi vã.

Nghiệm chứng: Trên đường bình an, khi trở về trên đường có hai người đồng nghiệp say rượu đánh nhau.

Ví dụ 1-17: Hoàng nữ sĩ xem ra ngoài học tập, sức khỏe như thế nào. (Ví dụ hiện đại)

Can chi: Ngày Quý Sửu tháng Ngọ (Tuần không Dần Mão)

CHƯƠNG II: DỰ ĐOÁN NGƯỜI ĐI ĐƯỜNG ĐIỂM KHIẾU

Tiết 1: Hoàng Kim Sách hành nhân chương nguyên văn

Nhân vi lợi danh vong khước cô hương, sinh xử nhạc gia vô âm tín, toàn bằng chu dịch quái trung thôi, yếu quyết quy kỳ dẫn tâm chủ tượng.

人为利名忘却故乡，生处乐家无音信，全凭周易卦中推，要决归期但寻主象。

Quan viên công lại khán Quan hào, tăng đạo trẻ nhỏ xem hào Phúc, thê thiếp nô tỳ xem Thê tài, Huynh đệ bằng hữu xem Huynh hào, Tôn trưởng lão gia xem hào Phụ, không tại lục thân bên trong xem hào Ứng.

Chủ tượng giao trọng, thân dĩ động; dụng hào an tĩnh, vị tư quy.

主象交重，身已动；用爻安静，未思归。

Hào Dụng tức chủ tượng, động thì người đi đường đang đi, xem ở hào gì sẽ biết người ở nơi nào, nếu tại hào sơ, hào hai là khởi hành, tại hào ba bốn là đến cửa, tại hào năm là giữa đường, tại hào sáu còn ở xa, còn lâu mới về. Hào Dụng bất động, Nhật thần hào động lại không xung, an cư tha hương không có ý về.

Khắc tóc sinh trì, ngã nhược chế tha nan kiến diện;

克速生迟, 我若制他难见面;

Hào Dụng động, ngày về có thể dự đoán; Nhật thân nếu khắc Thế, người tắt nhanh đến; sinh Thế hợp Thế; người tắt về trễ; sợ nhất hào Thế khắc chế hào Dụng, chính là chưa thể về.

Tam môn tứ hộ, ứng như hợp thế tức hoàn gia.

三门四户, 应如合世即还家.

Hào ba là cửa, hào bốn là cửa chính, lâm hào Dụng động, đường về đã gần đến; nếu hào Ứng, hào động khắc Thế, sinh Thế, mà hào Dụng lại không có chế phục, người sắp đến nhà, có thể đứng đợi.

动化退神, 人既来而复返;

动化退神, 人既来而复返;

Phàm Dần động hóa Mão, Tị động hóa Ngọ là tiến thân; Dậu động hóa Thân, Tý động hóa Hợi loại, là thoái thân. Hào Dụng hóa tiến thân, người đi đường vội vã trở về, không bao lâu nữa có thể gặp; hóa thoái thân, người đi đường tuy đến vẫn quay lại, không động cũng thế. Xem lâm hào gì là biết chuyển đi đâu. Muốn biết đi bao xa, lấy số sinh số thành mà đoán, như thủy là một sáu, hỏa là hai bảy, mộc là ba tám, kim là bốn chín, thổ là năm mười, dương hào lấy số thiên để xem, âm hào lấy số địa để đẩy, sinh vượng gấp đôi, tử tuyệt giảm phân nửa.

Tĩnh sinh thế vị, thân vị động nhi hoài quy.

靜生世位, 身未動而懷歸.

Sáu hào yên tĩnh, người tắt chưa về, nếu Ứng sinh Thế hợp Thế, hoặc Thế Ứng bị hòa, hào Dụng sinh hợp hào Thế, thân dù chưa động nhưng có ý về, xem Nhật Nguyệt xung động là khởi trình; sinh vượng trong tuần ất tới. Có khí chủ nhanh đến, vô khí chủ trì trệ.

Nhược ngộ ám trùng, đồ vật khởi thương tình chi khách hưởng;

若遇暗冲, 睹物起伤情之客况;



Quẻ hào bất động, vốn không về ý, nếu được Nhật thân xung động hào Ứng hoặc hào Dụng, tắt nhiên thấy vật nghĩ hương, khởi lên ý về nhà; Nhật thân tuy xung mà Nguyệt kiến hào động khắc chế, dù là lữ khách cũng khó khởi trình.

Như phùng hợp trụ, lâm hành hữu trần sự chi ky thân.

如逢合住, 临行有尘事之羈身.

Hào Dụng phát động là có điềm sẽ về, nếu gặp hào động Nhật thân tác hợp, gọi là hợp trú, một thân tuy muốn về nhà, vì sự tình ngăn trở, không về được. Nếu bị Phụ Mẫu hợp trú, tắt vì bề trên lưu lại, hoặc vì văn sách cản trở; Thế tài hợp trú tắt vì phụ nhân mê luyến, hoặc vì tài vật yêm lưu; Huynh đệ hợp trú, đa phần vì bằng hữu đồng bạn cãi vã ngăn lại; Tử tôn hợp trú, tắt vì trẻ nhỏ lục súc tăng đạo ngăn lại; Quan quý hợp trú, mang cát, thì quý nhân lưu lại, thêm hung, là hỏa trộm quan tai ngăn trở.

Can chi: Ngày Bính Thân tháng Giáp Thìn năm Đinh Sửu (Tuần không Thìn Tị)

ĐỊA THỦY SỬ					BÁT THUẦN KHÔN			
								
HỌ KHẨM (QUY HỒN)					HỌ KHÔN (LỤC XUNG)			
Hào	T/U	Lục Thân	Can Chi	Phục thân	Lục Thân	Can Chi	Lục Thú	Hào
— —	Ứng	Phụ Mẫu	Dậu-Kim		Phụ Mẫu	Dậu-Kim	Thanh Long	— —
— —		Huỳnh Đệ	Hợi-Thủy		Huỳnh Đệ	Hợi-Thủy	Huyền Vũ	— —
— —		Quan Quý	Sửu-Thổ		Quan Quý	Sửu-Thổ	Bạch Hổ	— —
— —	Thế	Thê Tài	Ngọ-Hỏa		Tử Tôn	Mão-Mộc	Đằng Xà	— —
—		Quan Quý	Thìn-Thổ	○	Thê Tài	Tị-Hỏa	Câu Trần	— —
— —		Tử Tôn	Dần-Mộc		Quan Quý	Mùi-Thổ	Chu Tước	— —

Hoàng Cực giải đoán:

Trong quẻ Dụng thần Huynh đệ Hợi thủy mặc dù có Nhật kiến Thân kim tương sinh, nhưng lại nhập mộ ở Nguyệt kiến, hào động Thìn thổ lưỡng hiện, đồng thời Thìn thổ lâm hào Quý, đây là tượng đại hung nhập Quý mộ. Cần lập tức xem kiem tượng hào Ứng có bị tổn thương hay không để xác định người có tai họa hay không. Trong quẻ kiem tượng hào Ứng Dậu kim thoát nhìn thì rất may mắn, có Nguyệt kiến Thìn thổ sinh hợp, lại có Nhật kiến cung phù là tượng vượng tướng vô hại. Nhưng trong quẻ lại có một tổ hợp phi thường bất lợi, Thái Tuế Sửu thổ nhập quẻ lâm Bạch Hổ mộ Ứng hào Dậu kim, mà Sửu thổ cũng là hào Quý, dạng này, Dụng thần, hào Ứng đều xuất hiện tượng đại hung nhập Quý mộ. Đồng thời trong quẻ cũng không có tượng xung phá giải cứu. Như thế dù cho Dụng thần vượng tướng được sinh trợ thì người cũng nhất định hẳn phải chết không thể nghi ngờ.

Hào Huynh đệ tại hào năm con đường nhập mộ. Đồng thời chủ quẻ là quẻ Sư, quẻ biến là Khôn. Trong quẻ Khâm, Khôn là tượng xe trùng điệp, cho nên người anh nhất định ở bên ngoài gặp tai nạn xe cộ bỏ mình.

Nghiệm chứng: Người anh bị tai nạn xe cộ mà chết.

Ví dụ 2-15: Xem bổ trong loạn quân cát hung. (Ví dụ cổ đại)

Can chi: Ngày Nhâm Thân tháng Tý (Tuần không Tuất Hợi)

SƠN THIÊN ĐẠI SỨC					TRẠCH ĐỊA TỤY			
HỘ CÁN					HỘ ĐOÀI			
Hào	T/U	Lục Thân	Can Chi	Phục thần	Lục Thân	Can Chi	Lục Thú	Hào
		Quan Quý	Dần-Mộc	○	Huynh Đệ	Mùi-Thổ	Bạch Hổ	
	Ứng	Thê Tài	Tý-Thủy	×	Tử Tôn	Đậu-Kim	Đẳng Xà	
		Huynh Đệ	Tuất-Thổ	×	Thê Tài	Hợi-Thủy	Câu Trần	
		Huynh Đệ	Thìn-Thổ	Tử-Thân	○	Quan Quý	Mão-Mộc	Chu Tước
	Thế	Quan Quý	Dần-Mộc	Phụ-Ngo	○	Phụ Mẫu	Tị-Hỏa	Thanh Long
		Thê Tài	Tý-Thủy		○	Huynh Đệ	Mùi-Thổ	Huyền Vũ

Hoàng Cực giải đoán:

Một quẻ Lục hào loạn động, đại tượng bản thân là điềm xấu, cũng phù hợp tượng loạn quân. Dụng thần Phụ Mẫu phục tàng không xuất hiện, là tượng bố con thất lạc. Phụ phục tàng dưới Thế, bị Nguyệt kiến xung phá, đồng thời nguyên thần Dần mộc bị Nhật kiến xung khắc, lại hóa xuất Phụ Mẫu Tị hỏa Dụng thần, cùng Nhật kiến Thân kim tạo thành tam hình. Dụng thần có tôn thương. Mà kiêm

tượng hào Ứng Tý thủy lại bị hào Huynh đệ lưỡng hiện Tuất, Thìn thổ khắc chế, Dụng thần, hào Ứng hai nguyên tố câu thương, bố dữ nhiều lành ít.

Nghiệm chứng: Chết không có tung tích.

Ví dụ 2-16: Xem chồng ra ngoài có gặp nguy hiểm không. (Ví dụ hiện đại)

Can chi: Ngày Nhâm Tý tháng Quý Mão năm Đinh Sửu (Tuần không Dần Mão)

SƠN THIÊN ĐẠI SỨC					HÓA TRẠCH KHUÊ			
HỌ CĂN					HỌ CĂN			
Hào	T/U	Lục Thân	Can Chi	Phục thần	Lục Thân	Can Chi	Lục Thú	Hào
—		Quan Quý	Dần-Mộc		Phụ Mẫu	Tị-Hỏa	Bạch Hổ	—
— —		Ứng	Thê-Tài		Huynh Đệ	Mùi-Thổ	Đẳng Xà	— —
— —		Huynh Đệ	Tuất-Thổ	✗	Tử Tôn	Dậu-Kim	Câu Trăn	— —
—		Huynh Đệ	Thìn-Thổ	○	Huynh Đệ	Sửu-Thổ	Chu Tước	— —
—		Thế	Quan Quý	Dần-Mộc	Phụ-Ngo	Quan Quý	Mão-Mộc	Thanh Long
—		Thê-Tài	Tý-Thủy		Phụ Mẫu	Tị-Hỏa	Huyền Vũ	—

Hoàng Cực giải đoán:

Xem cát hung lấy hào Ứng và hào Dụng thần hai nguyên tố định vị để định cát hung. Trong quẻ hào Ứng Tý thủy lâm đặng Xà bị khắc chế, người ở bên ngoài tinh thần bất an, suy nghĩ phân loạn. Nhưng Dụng thần Dần mộc vượng lâm Nguyệt kiến, đồng thời lại có Nhật kiến sinh, mặc dù lâm không nhưng vượng tướng được sinh không là chân không, chồng không có tai họa gì, chỉ là tinh thần không được như ý mà thôi.

Lại xem người khi nào có thể trở về. Dụng thần Dần mộc trì Thế, vượng tướng được sinh, lại tại quẻ nội hào hai, hai hào là hào vị nhà nên chồng có thể trở về nhà, mà rất nhanh liền có thể trở về.

Hiện nay hào Dần mộc lâm không, tức là chỗ bệnh ứng kỳ. Chờ đến ngày Dần hoặc là giờ Dần xuất không, người nhất định trở về.

Nghiệm chứng: Đường sửa chữa nên phải đi đường vòng, ngày Dần về.

Ví dụ 2-17: Xem bố ở bên ngoài nhậm chức có bình an hay không. (Ví dụ cổ đại)

Can chi: Ngày Quý Tị tháng Thân (Tuần không Ngọ Mùi)

THIÊN PHONG CẦU					LÔI PHONG HẰNG			
HỌ CÁN					HỌ CHẤN			
Hào	T/U	Lục Thân	Can Chi	Phục thần	Lục Thân	Can Chi	Lục Thú	Hào
		Phụ Mẫu	Tuất-Thổ	○	Phụ Mẫu	Tuất-Thổ	Bạch Hổ	
		Huỳnh Đệ	Thân-Kim	○	Huỳnh Đệ	Thân-Kim	Đẳng Xà	
	Ứng	Quan Quỷ	Ngo-Hỏa		Quan Quỷ	Ngo-Hỏa	Câu Trần	
		Huỳnh Đệ	Dậu-Kim		Huỳnh Đệ	Dậu-Kim	Chu Tước	
		Tử Tôn	Hợi-Thủy	Tài-Dần	Tử Tôn	Hợi-Thủy	Thanh Long	
	Thế	Phụ Mẫu	Sửu-Thổ		Phụ Mẫu	Sửu-Thổ	Huyền Vũ	

Hoàng Cực giải đoán:

Hào Phụ mẫu là Dụng thần lưỡng hiện, bố bên ba ở bên ngoài không phải cố định một chỗ. Lấy hào Phụ mẫu Tuất thổ ở quẻ ngoại làm Dụng thần. Quẻ ngoại phục ngâm, người ở bên ngoài nhất định bất an, phục ngâm có tượng rên thống khổ.

Tuy nhiên trong quẻ hào Phụ mẫu Tuất thổ dù hưu tù, nhưng được Nhật kiến Tị hỏa tương sinh, trong quẻ cũng không bị khắc chế, cho nên dù chiêm tượng hào Ứng lâm hào Quý Ngọ hỏa tuần không nhập mộ ở hào động Tuất thổ Bạch Hổ là có tượng theo Quý nhập mộ, người ở bên ngoài cũng sẽ bình an, chỉ là tinh thần không tốt, thống khổ không chịu nổi mà thôi.

Nghiệm chứng: Bố nhậm chức ở bên ngoài, người Miêu phản loạn, địa phương không yên, mạo hiểm dị thường nhưng bình an vô sự. Năm Thìn từ nhiệm, năm Ngọ lại bổ nhiệm ở Tứ Xuyên.

Ví dụ 2-18: Xem con ở Hồ Nam ngày nào về. (Ví dụ cổ đại)

Can chi: Ngày Quý Sửu tháng Thân (Tuần không Dần Mão)

Can chi: Ngày Bính Tuất tháng Quý Mùi năm Canh Thìn (Tuần không Ngọ Mùi)

PHONG HÓA GIA NHÂN



HỌ TÔN

PHONG LÔI ÍCH



HỌ TÔN

Hào	T/U	Lục Thân	Can Chi	Phục thần	Lục Thân	Can Chi	Lục Thú	Hào
		Huỳnh Đệ	Mão-Mộc		Huỳnh Đệ	Mão-Mộc	Thanh Long	
	Ứng	Tử-Tôn	Tị-Hỏa		Tử-Tôn	Tị-Hỏa	Huyền Vũ	
		Thê Tài	Mùi-Thổ		Thê Tài	Mùi-Thổ	Bạch Hổ	
		Phụ Mẫu	Hợi-Thủy	Quan-Dậu	Thê Tài	Thìn-Thổ	Đảng Xà	
	Thế	Thê Tài	Sửu-Thổ		Huỳnh Đệ	Dần-Mộc	Câu Trần	
		Huỳnh Đệ	Mão-Mộc		Phụ Mẫu	Tý-Thủy	Chu Tước	

Hoàng Cực giải đoán:

Đầu tiên xem bình an, trong quẻ hào Tử tôn Tị hỏa Dụng thần lâm hào Ứng, hai nguyên tố tại cùng một hào vị nên chỉ cần hào này may mắn thì hai nguyên tố đều cát, hào này bị tổn thương thì hai nguyên tố đều thương.

Trong quẻ hào động Hợi thủy khắc Dụng thần lúc đầu không tốt, tuy nhiên may mắn Tị hỏa nhập mộ ở Nhật kiến Tuất thổ có thể tránh Hợi thủy khắc thương. Hợi thủy lại bị Nhật Nguyệt hóa hào ba truyền khắc chế cũng vô lực đến khắc Dụng thần, cho nên Dụng thần vô hại, người ở bên ngoài nhất định bình an vô sự.

Lấy người bình an làm cơ sở, xem người có về hay không. Trong quẻ Dụng thần Tị hỏa sinh hào Thế, con gái đã có ý trở về. Lấy vượng tướng được sinh trợ là may mắn, suy nghĩ về nhà sẽ rất mãnh liệt, hưu tù bị khắc chế là hung,

không mẫn mề gì lắm với việc quay về hoặc bị việc gì đó ngăn trở mà không thể về.

Trong quẻ hào Tử tôn Tị hỏa ở tháng Mùi không vượng nhưng còn có khí. Tuy nhiên Dụng thân nhập mộ ở Nhật kiến là bị người lưu lại, may mắn có hào động xung khắc mộ khó nên người có thể trở về. Chỉ là thời gian sẽ lâu một chút.

Nghiệm chứng: Ngày Bính Dần con gái từ Thanh Đảo trở về.

Ví dụ 3-12: Xem cháu gái tức giận trốn đi có nguy hiểm hay không. (Ví dụ hiện đại)

Can chi: Ngày Mậu Ngọ tháng Bính Tý năm Bính Tý (Tuần không Dần Mão)

HÓA TRẠCH KHUÊ					LÔI SƠN TIỂU QUÁ			
HỌ CẤN					HỌ ĐOÀI (DU HỒN)			
Hào	T/U'	Lục Thân	Can Chi	Phục thân	Lục Thân	Can Chi	Lục Thú	Hào
		Phụ Mẫu	Tị-Hỏa	○	Huỳnh Đệ	Tuất-Thổ	Chu Tước	
		Huỳnh Đệ	Mùi-Thổ	Tài-Tý	Tử Tôn	Thân-Kim	Thanh Long	
	Thế	Tử Tôn	Đậu-Kim		Phụ Mẫu	Ngo-Hỏa	Huyền Vũ	
		Huỳnh Đệ	Sửu-Thổ	×	Tử Tôn	Thân-Kim	Bạch Hổ	
		Quan Quý	Mão-Mộc	○	Phụ Mẫu	Ngo-Hỏa	Đẳng Xà	
	Ứng	Phụ Mẫu	Tị-Hỏa	○	Huỳnh Đệ	Thìn-Thổ	Câu Trần	

Hoàng Cực giải đoán:

Đầu tiên xem cháu gái ở bên ngoài có bình an hay không. Trong quẻ Dụng thân hào Tử tôn Dậu kim trì Thế

bị Nhật kiến Ngọ hỏa khắc chế, đồng thời lại có hào Tị hỏa lưỡng động khắc chế, còn nhập mộ ở hào động Bạch Hổ Sửu thổ. Nếu chỉ lấy hào Tử tôn một nguyên tố để phán đoán thì nhất định là tượng đại hung dễ chết.

Tuy nhiên chúng ta nói qua, trong Hoàng Cực Lục hào để phán đoán cát hung một người thì một nguyên định vị là tuyệt đối không được, bắt buộc phải dùng hai nguyên tố định vị mới có thể xác định.

Ví dụ như quẻ này, Dụng thần hung như thế nên cần lập tức xem kiêm tượng hào Ứng. Trong quẻ hào Ứng Tị hỏa dù bị Nguyệt kiến khắc chế nhưng hào Ứng Tị hỏa lưỡng hiện, lại có hào động hóa xuất thêm một hào Ngọ hỏa, Nhật kiến lại là Ngọ hỏa, hào hỏa trùng điệp là tượng cực vượng. Lúc này Nguyệt kiến khắc chế không những không phải hung mà ngược lại là cực tất phản mà thành tượng hữu dụng đại cát. Kiêm Tượng Hào đại cát, người ở bên ngoài nhất định bình an.

Như vậy người có thể trở về hay không? Trong quẻ hào Tử tôn trì Thế, lại bị trùng điệp hỏa đến khắc chế, nói rõ người căn bản đi không xa, đồng thời lại có hào Huynh đệ Sửu thổ phát động mang Dụng thần đến sinh hào Thế, người cháu gái cuối cùng sẽ bị người đưa về.

Nghiệm chứng: Giờ Dậu ngày Dậu về nhà.

Ví dụ 3-13: Xem vợ ra ngoài đã hai tháng có thể trở về không. (Ví dụ hiện đại)

Can chi: Ngày Đinh Hợi tháng Bính Thìn năm Mậu Dần (Tuần không Ngọ Mùi)

Can chi: Ngày Nhâm Tuất tháng Thân (Tuần không Tý Sửu)

PHONG THỦY HOÁN



HÒ LY

BÁT THUẦN KHÂM



HÒ KHÂM (LỤC XUNG)

Hào	T/U	Lục Thân	Can Chi	Phục thần	Lục Thân	Can Chi	Lục Thú	Hào
		Phụ Mẫu	Mão-Mộc		Quan Quỷ	Tý-Thủy	Bạch Hổ	
	Thế	Huỳnh Đệ	Tị-Hỏa		Tử Tôn	Tuất-Thổ	Đẳng Xà	
		Tử Tôn	Mùi-Thổ	Thê-Dậu	Thê Tài	Thân-Kim	Câu Trần	
		Huỳnh Đệ	Ngo-Hỏa	Quan-Hợi	Huỳnh Đệ	Ngo-Hỏa	Chu Tước	
	Ứng	Tử Tôn	Thìn-Thổ		Tử Tôn	Thìn-Thổ	Thanh Long	
		Phụ Mẫu	Dần-Mộc		Phụ Mẫu	Dần-Mộc	Huyền Vũ	

Hoàng Cực giải đoán:

1. Phán đoán sắp tới có mưa hay không: Hào Phụ mẫu phát động trong quẻ, hóa hồi đầu sinh, sắp tới chắc chắn có mưa.

2. Phán đoán có mấy trận mưa: Trong quẻ hào Phụ mẫu lưỡng hiện, vốn là tượng sẽ có hai trận mưa nhưng quẻ này tương đối đặc thù, trong quẻ Dần mộc bị Nguyệt phá, Nguyệt khắc lại không được sinh trợ, dù có Mão mộc trợ giúp nhưng Mão mộc yếu lại bị Nhật kiến hợp trú, căn bản bất lực trợ giúp Dần mộc, cho nên Dần Mộc là thật phá. Khi hai loại tình huống thật phá và chân không xuất hiện thì chẳng khác nào trong quẻ không có hào này. Cho nên tổng hợp xem sắp tới chỉ có Mão mộc là một trận mưa.

3. Phán đoán thời gian sẽ có mưa: Hào Phụ mẫu bị tổn thương, lại hưu tù, càng thêm hào Ứng lại lâm Tử tôn ám động, hào Ứng là trời, là một điềm tượng rất trọng yếu

khi xem thiên thời, Hoàng Cực Lục hào cơ bản đều là dùng hai nguyên tố định vị, mà dự đoán thiên thời tinh vũ thì hào ứng sẽ có tác dụng trong hai nguyên tố định vị. Xem mưa thì dùng hào Phụ mẫu và hào Ứng là hai nguyên tố định vị, xem nắng thì lại lấy hào Tử tôn và hào Quan là hai nguyên tố định vị.

Trong dự đoán thiên thời tinh vũ, tác dụng lớn nhất của hào Ứng chính là xác định ứng kỳ xa hay gần. Dùng quẻ này để nói, hào Ứng là trời, lâm Tử tôn thì là trời trong xanh, vô hại không bị khắc chính là trời sẽ còn trong xanh một khoảng thời gian nữa. Do đó ứng kỳ mưa chắc chắn là còn lâu, có thể lấy ngày để đoán.

4. Phán đoán ứng kỳ cụ thể: Hào Phụ mẫu Mão mộc là Dụng thần, phát động, thần cơ ở hào động cho nên dùng hào này làm cơ sở, xem bệnh thuốc của hào này để định ứng kỳ.

Hào này đúng là có không ít bệnh, bị Nguyệt kiến khắc chế, lại tuyệt ở Nguyệt kiến, động mà hóa không, bị Nhật kiến hợp quần chân. Tổng cộng có bốn bệnh gây tổn thương. Trong bốn cái bệnh này, ngày Tý có thể giải ba bệnh, khắc xứ phùng sinh, tuyệt xứ phùng sinh, lại là xuất không điền thực, hoặc là nguyên thần hào Quan đang trực vượng tướng cho nên ứng kỳ mưa nhất định tại ngày Tý. Loại tình huống này là một thuốc trị nhiều bệnh, là ứng kỳ phi thường rõ ràng.

Nhưng trong quẻ còn có một chỗ bệnh là Nhật kiến hợp quần chân thì nên xử lý như thế nào? Bệnh này chính là căn cứ nhỏ để phán đoán ứng kỳ. Đã xác định ngày Tý có mưa nhưng trong ngày này thì giờ nào trời mới mưa là

có thể dùng bệnh này để định. Mão mộc bị hợp quần chân, giờ Dậu xung khai Mão mộc chính là ứng kỳ trời sẽ mưa.

Do đó, trong quẻ nhiều bệnh có lúc ngược lại có thể khiến cho việc dự đoán càng thêm chính xác. Chỉ cần kỹ thuật quá quan, mạch suy nghĩ chuẩn xác là không bao giờ có chuyen không luận giải được quẻ.

5. Phán đoán lượng mưa lớn hay nhỏ: Mão mộc động mà hóa thủy hồi đầu sinh, quẻ biến là Khảm cung thủy. Mặt khác một Dụng thần Dần mộc lâm Huyền Vũ, hào Phụ mẫu lâm thủy trùng điệp, lượng mưa nhất định cực lớn, chủ mưa rất to. Nhưng trong quẻ hào Phụ mẫu quá yếu, một không một phá nên lượng mưa sẽ giảm đi. Tổng hợp là sẽ mưa to.

6. Phán đoán trời mưa lâu hay mau: Hào Dụng thần Phụ mẫu bị khắc chế, lại hóa không, quẻ biến là quẻ Lục xung, đều là mưa sẽ không lâu.

7. Xem phong lôi các loại: Trong quẻ hào Huynh đệ bất động nhưng có quẻ Tốn phát động, Tốn là gió nên chủ có gió, chỉ bất quá hưu tù bị Nguyệt kiến khắc chế, gió không lớn mà thôi.

Hào Phụ mẫu động hóa hào Quan, dù bị Nhật kiến khắc chế nhưng lâm Bạch Hổ, Bạch Hổ chủ hung hãn, hào Quan lâm Bạch Hổ động, có sấm, nhưng vì bị khắc nên sấm không phải rất mạnh.

Tổng hợp phán đoán:















Giờ Dậu ngày Giáp Tý có mưa, mưa to, có sấm có gió, nhưng gió cũng không quá mạnh.

Ứng nghiệm:

Giờ Dậu ngày Giáp Tý đông to, có gió, mưa không phải rất to mà chỉ là mưa vừa.

Ví dụ 5-12: Xem ngày nào mưa?

Can chi: Ngày Mậu Dần tháng Thân (Tuần không Thân Dậu)

BÁT THUẦN TỐN					SƠN PHONG CỔ			
								
HỘ TỐN (LỤC XUNG)					HỘ TỐN (QUY HỒN)			
Hào	T/U	Lục Thân	Can Chi	Phục thân	Lục Thân	Can Chi	Lục Thú	Hào
	Thế	Huỳnh Đệ	Mão-Mộc		Huỳnh Đệ	Dần-Mộc	Chu Tước	
		Tứ Tôn	Tị-Hỏa	○	Phụ Mẫu	Tý-Thủy	Thanh Long	
		Thê Tài	Mùi-Thổ		Thê Tài	Tuất-Thổ	Huyền Vũ	
	Ứng	Quan Quý	Đậu-Kim		Quan Quý	Đậu-Kim	Bạch Hổ	
		Phụ Mẫu	Hợi-Thủy		Phụ Mẫu	Hợi-Thủy	Đằng Xà	
		Thê Tài	Sửu-Thổ		Thê Tài	Sửu-Thổ	Câu Trần	

Hoàng Cực giải đoán:

1. Phán đoán sắp tới có mưa hay không: Trong quẻ hào Phụ mẫu được Nguyệt sinh là vượng, lại có hào động biến xuất hào Phụ mẫu, sắp tới chắc chắn có mưa.

2. Phán đoán có mấy trận mưa: Trong quẻ có một hào Phụ mẫu, lại có hào động biến xuất thêm một hào Phụ mẫu, chủ sắp tới có hai trận mưa.

3. Phán đoán thời gian sẽ có mưa: Trong quẻ hào Quan, hào Phụ mẫu bất động, hào Quan lại tuần không. Hào Ứng lâm Quan mà bị hào động khắc chế nên thiên biến cần một khoảng thời gian nữa. Do đó dùng ngày để đoán thời gian mưa.

4. Phán đoán ứng kỳ cụ thể: Hào động làm đầu, trong quẻ có hào Tử tôn Tị hỏa động biến hào Phụ Mẫu, trước dùng hào này để định ứng kỳ. Hào Phụ mẫu Tý thủy được Nguyệt kiến sinh, không có bệnh. Hào động Tị hỏa bị khắc chế, lại có tam hình hội tụ, ngoài ra còn có Nguyệt kiến hợp trú. Trong đó Phụ mẫu Tý thủy hồi đầu khắc có Nhật kiến sinh đã được cứu rồi, nên hẳn là chọn ngày Tị vượng hoặc là ngày Hợi xung hợp là ứng kỳ.

Nhưng ngày Hợi xung tàng khắc, không phải là thời điểm Dụng thần phi thường vượng nên không thể dùng, chỉ có thể chọn ngày Tị để làm ứng kỳ. Một là vượng thì hữu lực, ngày Tị lại xung hào Hợi ám động, Tị hỏa và thán Thân hợp nên ngày này là có khả năng nhất.

Một trận khác mưa thì phải xem một hào Phụ mẫu khác là Phụ mẫu Hợi Thủy. Hợi Thủy có sinh không khắc, vượng tướng, bị Nhật kiến kết hợp thu về, không có bệnh thương tổn gì nên lại xem hào Quan. Hào Quan vượng, hào động khắc nhưng tuần không tránh khắc, không là tổn thương, duy nhất bệnh chính là không, chỉ có xung không và điền thực vượng thì có thể xung khởi, nên ngày Mão xung là có thể khởi.

5. Phán đoán lượng mưa lớn hay nhỏ: Hai trận mưa, hào Phụ mẫu Hợi Thủy trong chủ quẻ vượng tướng vô hại lâm hào thủy, tất nhiên là mưa to.

Hào Phụ mẫu Tý thủy biến xuất kém một chút, dù cũng lâm thủy nhưng hào này là biến xuất từ Tị hỏa. Tị hỏa chính là căn bản, Tị hỏa hưu tù có tam hình, do đó mưa sẽ nhỏ, tối đa cũng chỉ là mưa vừa.

6. Phán đoán trời mưa lâu hay mau: Quẻ Lục xung, nguyên thần hào Quan của hào Phụ mẫu tuần không, lại có hào Tử tôn động tại trong quẻ, mưa sẽ không lâu.

7. Xem phong lôi các loại: Hào Quan Dậu kim lâm Bạch Hổ lại tuần không, vượng tướng, chủ có sấm. Hào Huỳnh đệ bất động, nhưng quẻ là Tôn động chủ có gió.

Tổng hợp phán đoán:

Sắp tới sẽ có hai trận mưa. Ngày Mão sẽ có một trận mưa lớn, nhưng không lâu. Ngày Tị lại có một trận mưa vừa, có gió có sấm.

Nghiệm chứng:

Giờ Dần, Mão ngày Mão có một trận mưa to, kèm thêm gió và sấm. Ngày Tị lại có một trận mưa vừa, không có sấm.

Ví dụ 5-13: Xem thiên thời ngày nào mưa?

Căn chi: Ngày Ất Tị tháng Mùi (Tuần không Dần Mão)